

**BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG**

Tuần 40 Tháng 10/2024

STT	Tên Cơ quan	Số hoá tái sử dụng lại	Công bố vào thứ 2 hàng tuần								
			Số hoá Hồ sơ (Chứng thực điện tử), tỷ lệ quy định từ 100%	Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100%	Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90-100%	Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-90%	Chỉ tiêu Tổng hợp 04/10/2024	Tăng giảm so với tuần trước	Chỉ tiêu Tổng hợp 30/9//2024
	Xã, thị trấn		Nhóm V	Nhóm III	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm I			
1	UBND xã An Bình	48	89,00%	97,56%	100,0%	100%	100,00%	100%	90,2	0,96	89,24
2	UBND xã Thoại Giang	46	86,70%	95,05%	97,70%	100%	98,89%	100,0%	89,85	-0,49	90,34
3	UBND xã Vọng Đông	22	87,00%	90,91%	94,30%	99,6%	100,00%	97%	89,49	2,54	86,95
4	UBND xã Vọng Thê	47	87,50%	100,00%	95,70%	98,9%	100,00%	100%	89,42	0,33	89,09
5	UBND TT Phú Hòa	20	80,10%	88,68%	85,20%	100%	100,00%	100%	89,21	-2,08	91,29
6	UBND xã Phú Thuận	36	82,50%	94,95%	96,20%	100%	100,00%	100%	89,1	3,99	85,11
7	UBND xã Vĩnh Khánh	3	81,60%	83,87%	81,8%	100%	100%	100%	88,81	-1,04	89,85
8	UBND TT Óc Eo	3	79,40%	92,86%	79,30%	100%	97,22%	100%	88,28	-0,03	88,31
9	UBND xã Tây Phú	22	84,70%	81,69%	98,20%	100%	92,30%	100%	88,15	-0,22	88,37
10	UBND xã Định Mỹ	20	76,90%	98,25%	84,80%	100%	100%	100%	88,05	0,5	87,55
11	UBND xã Vĩnh Trạch	35	89,90%	100,00%	97,6%	100%	100,00%	82,00%	87,47	-2,86	90,33
12	UBND xã Bình Thành	89	76,50%	99,19%	75,00%	100%	96,64%	100%	87,22	-1,66	88,88
13	UBND xã Vĩnh Chánh	30	85,50%	93,22%	97,2%	100%	100,00%	72,0%	85,43	-4,17	89,6
14	UBND xã Mỹ Phú Đông	0	82,00%	90,91%	100,00%	100%	100,00%	73,2%	84,35	-4,44	88,79
15	UBND xã Vĩnh Phú	83	87,20%	99,39%	98,80%	91,3%	67,05%	100,0%	82,03	-8,03	90,06
16	UBND TT Núi Sập	0	82,00%	65,22%	100,0%	99,6%	82,35%	70,0%	80,78	-7,41	88,19
17	UBND xã Định Thành	0	81,90%	100,00%	100,00%	100%	100,00%	19,6%	70,05	-17,78	87,83
Toàn huyện đạt		504	78,20%	57,00%	81,60%	94,4%	76,35%	100	82,6	-4,64	87,24

Tăng giảm so với Tuần trước - 441 -2,5 -19,2 -5,6 -5 -13,65 0 -4,64